

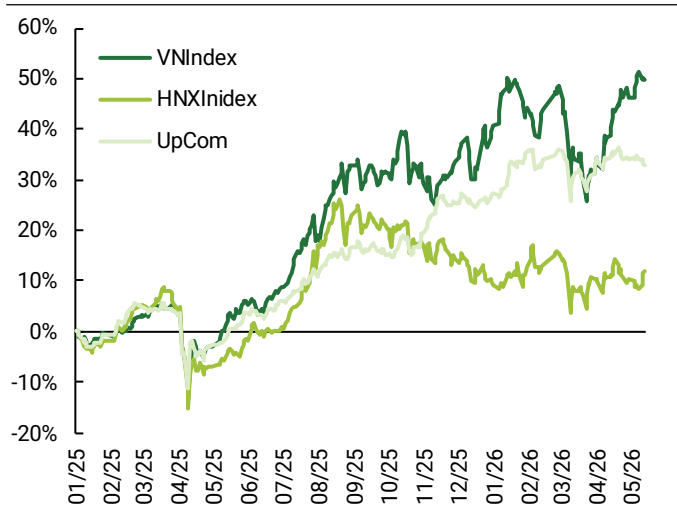
VN-Index **1898.37 (-0.14%)**
1049 Tr. cổ phiếu 29989.2 Tỷ VND (40.59%)

HNX-Index **254.62 (0.53%)**
82 Tr. cổ phiếu 1490.7 Tỷ VND (86.56%)

UPCOM-Index **126.28 (-0.25%)**
54 Tr. cổ phiếu 1132.0 Tỷ VND (144.69%)

VN30F1M **2039.90 (-0.44%)**
254,055 HD OI: 36,618 HD

% Hiệu suất của các chỉ số từ năm 2025



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1898.4, giảm -2.7 điểm (-0.14%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ ghi nhận ở VN30 trong khi HNXIndex giảm điểm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Diễn biến suy yếu ở nhóm cổ phiếu trụ tạo áp lực đáng kể lên vận động của thị trường chung. Dù vậy, mặt bằng cổ phiếu dần thích ứng. Dòng tiền tiếp tục luân chuyển nhanh giữa các nhóm ngành.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Dầu khí: BSR (+3.8%), PVD (+6.4%), PLX (+6.8%) | Ngân hàng: MSB (+1.5%), BID (+2.5%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (+4.4%), VTP (+4.8%), PVP (+6.6%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: POW (+1.1%), GAS (+6.9%). Diễn biến yếu: Bất động sản: VRE (-6.9%), VHM (-4.8%) | Dịch vụ tài chính: VIX (-1.3%), SSI (-0.9%) | Xây dựng và Vật liệu: CRC (-2.7%), CII (-2.3%), VGC (-1.7%) | Du lịch và Giải trí: HVN (-2.1%), VJC (-1.1%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, BID, BSR, MCH, PLX - Chiều giảm | VHM, VIC, STB, VRE, VNM
Khối ngoại Bán ròng gần 1400 tỷ, tập trung nhiều ở FPT, ACB, VHM, trong khi mua ròng MSB, MSN, BSR.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** thu hẹp đà giảm về cuối phiên và đóng cửa trên đường MA10 ngày, qua đó ghi nhận phiên kiểm định hỗ trợ tương đối tích cực. Tuy nhiên, diễn biến suy yếu ở nhóm cổ phiếu trụ khả năng tiếp tục tạo áp lực lên vận động của chỉ số chung. Về kỹ thuật, xu hướng hồi phục sẽ được củng cố nếu VN-Index vượt trở lại ngưỡng 1915 điểm. Ngược lại, việc đánh mất mốc 1890 điểm sẽ cho thấy áp lực điều chỉnh vẫn chi phối và gia tăng khả năng quay lại kiểm định vùng hỗ trợ 1850 - 1870 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số giữ vận động trên ngưỡng 250 với thanh khoản cải thiện. Nếu vận động tiếp tục duy tốt trên ngưỡng này có thể thúc đẩy nhịp hồi hướng tới kháng cự cao hơn là ngưỡng 260 điểm.
- **Chiến lược:** Điểm tích cực là dù chỉ số biến động mạnh, mặt bằng cổ phiếu nhìn chung dần thiết lập trạng thái cân bằng quanh các vùng hỗ trợ ngắn hạn. Nếu chưa vi phạm, NĐT có thể tiếp tục nắm giữ. Chiều mua mới phù hợp chiến lược trading ngắn hạn, tận dụng nhịp điều chỉnh, đồng thời hạn chế tâm lý mua đuổi tại các nhịp tăng mạnh. Các nhóm ngành đáng chú ý: Ngân hàng, Cao su, Cảng biển, Thép.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua FOX (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,898.4 ▼	-0.1%	0.4%	7.9%	29,989.2 ▲	40.6%	25.5%	33.0%	1,048.8 ▲	31.3%	19.5%	19.0%
HNX-Index	254.6 ▬	0.5%	2.5%	1.2%	1,490.7 ▲	86.6%	-11.7%	3.5%	81.8 ▲	86.6%	-14.2%	4.7%
UPCOM-Index	126.3 ▼	-0.3%	-1.1%	-1.1%	1,132.0 ▲	144.7%	61.5%	78.6%	54.4 ▲	150.2%	15.6%	39.5%
VN30	2,043.5 ▼	-0.5%	-0.5%	6.1%	16,612.9 ▲	47.6%	39.2%	54.7%	384.2 ▲	29.2%	24.2%	10.9%
VNMID	2,249.6 ▬	0.1%	1.1%	-0.2%	11,465.3 ▲	35.2%	11.7%	18.2%	495.6 ▲	35.2%	3.7%	15.6%
VNSML	1,395.3 ▬	0.1%	-1.2%	-2.0%	1,051.8 ▲	44.9%	-2.3%	-15.0%	75.5 ▲	57.3%	7.4%	-10.1%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	649.3 ▬	0.1%	2.32%	2.0%	7,326.2 ▲	33.38%	15.5%	39.7%	302.0 ▲	31.7%	16.8%	37.4%
Bất động sản	1,009.8 ▼	-1.6%	1.9%	34.3%	6,739.5 ▲	36.3%	18.9%	49.6%	140.0 ▼	-10.6%	-18.0%	6.9%
Dịch vụ tài chính	314.1 ▼	-0.4%	2.8%	-1.8%	3,847.4 ▲	107.5%	20.8%	56.8%	177.1 ▲	112.1%	19.7%	58.9%
Công nghiệp	304.7 ▲	1.1%	9.7%	9.6%	2,156.4 ▲	81.3%	15.3%	74.4%	62.4 ▲	93.6%	16.3%	74.5%
Tài nguyên cơ bản	541.6 ▬	0.6%	0.4%	-1.6%	712.1 ▼	-2.6%	-17.3%	-26.1%	32.6 ▼	-3.6%	-13.6%	-18.7%
Xây dựng - Vật Liệu	176.3 ▼	-0.8%	1.5%	-1.6%	1,441.8 ▼	-8.2%	-15.9%	10.6%	67.4 ▲	4.0%	-10.6%	10.2%
Thực phẩm	492.4 ▬	0.7%	-10.0%	-30.1%	1,636.5 ▲	20.9%	6.3%	37.6%	34.7 ▲	5.5%	6.9%	27.1%
Bán Lẻ	1,530.4 ▼	-0.2%	-1.9%	0.4%	667.7 ▲	7.8%	-25.8%	-5.8%	8.2 ▼	-2.4%	-32.5%	-11.5%
Công nghệ	383.2 ▬	0.2%	-4.7%	-8.7%	961.1 ▲	44.4%	0.5%	35.0%	24.8 ▲	143.1%	71.2%	136.9%
Hóa chất	192.6 ▲	1.5%	1.5%	3.1%	899.5 ▲	18.5%	13.3%	56.2%	24.9 ▲	22.2%	20.0%	55.9%
Tiện ích	765.7 ▲	3.5%	-0.6%	-2.9%	858.3 ▲	121.3%	48.4%	105.7%	26.7 ▲	56.8%	-6.3%	37.8%
Dầu khí	118.9 ▲	4.7%	4.8%	3.5%	1,791.1 ▲	89.7%	124.0%	221.1%	54.5 ▲	69.3%	98.8%	187.0%
Dược phẩm	419.9 ▬	0.4%	-0.7%	-3.0%	180.7 ▲	292.3%	196.0%	261.5%	10.0 ▲	281.3%	321.4%	431.4%
Bảo hiểm	107.2 ▲	2.6%	-3.2%	-11.2%	103.0 ▲	39.1%	27.7%	96.7%	1.8 ▲	30.3%	9.9%	65.8%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,898.4 ▼	-0.14%	6.4%	15.5x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,517 ▲	2.27%	20.4%	16.9x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,723 ▼	-1.98%	-22.2%	16.0x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,936 ▼	-0.14%	5.1%	17.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	5,947 ▼	-0.42%	-1.8%	9.2x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,243 ▬	0.67%	6.9%	19.0x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,388 ▬	0.15%	3.0%	13.7x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	63,272 ▬	0.84%	25.7%	24.4x	3.0x
S&P 500	Mỹ	7,401 ▼	-0.16%	8.1%	29.0x	5.8x
Dow Jones	Mỹ	49,761 ▬	0.11%	3.5%	25.4x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,268 ▬	0.02%	3.4%	16.5x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,825 ▬	0.29%	0.6%	16.6x	2.3x
DXY		98.5 ▬	0.59%	0.2%		
USDVND		26,349 ▬	0.06%	0.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

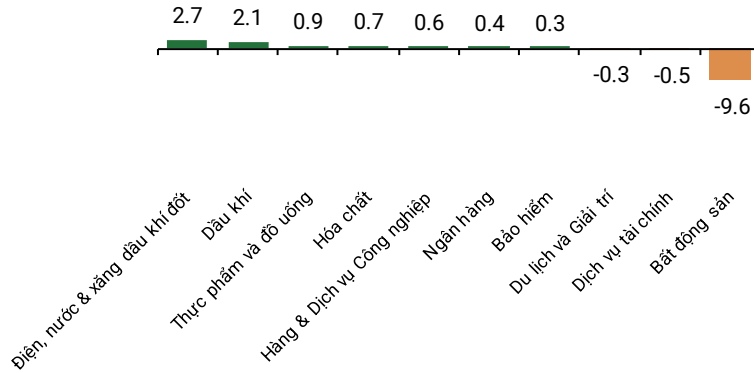
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▬	0.28%	8.8%	77.6%	62.2%
Dầu WTI	▼	-0.03%	3.1%	77.9%	60.4%
Khí gas	▼	-0.5%	7.7%	-23.3%	-22.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	6.9%	6.9%	13.2%
Thép HRC (*)	▼	-0.4%	5.8%	6.5%	5.2%
PVC (*)	▬	0.9%	0.5%	10.9%	5.4%
Phân Urea (*)	▬	0.7%	-3.8%	87.7%	102.0%
Cao su thiên nhiên	▲	4.4%	14.3%	28.7%	31.6%
Bông Cotton	▬	0.8%	16.8%	35.4%	31.3%
Đường	▲	1.7%	11.5%	1.7%	-16.2%
World Container Index	▬	0.0%	-1.0%	3.3%	10.1%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-2.6%	-28.0%	86.7%	150.1%
Vàng	▼	-0.42%	-0.9%	8.7%	44.5%
Bạc	▬	0.45%	14.9%	21.2%	163.8%

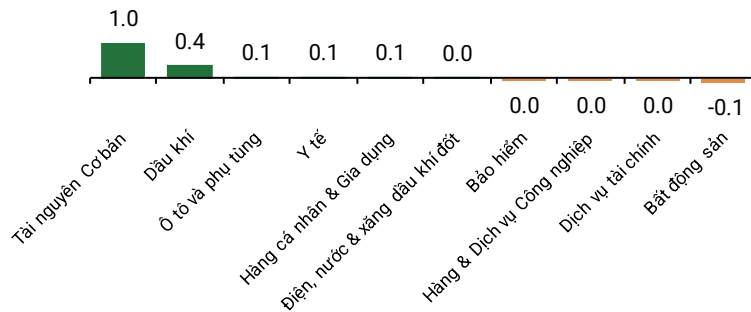
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

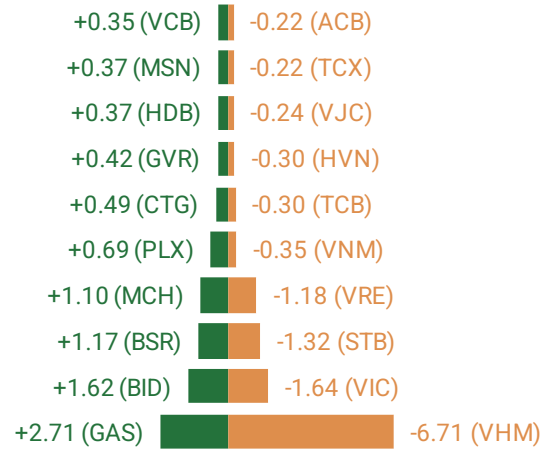
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



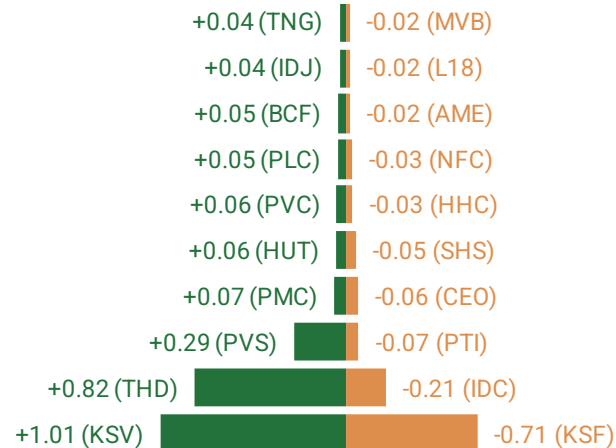
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

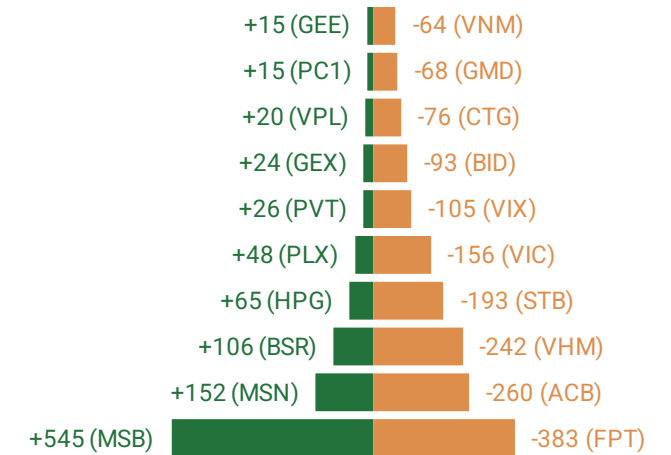


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

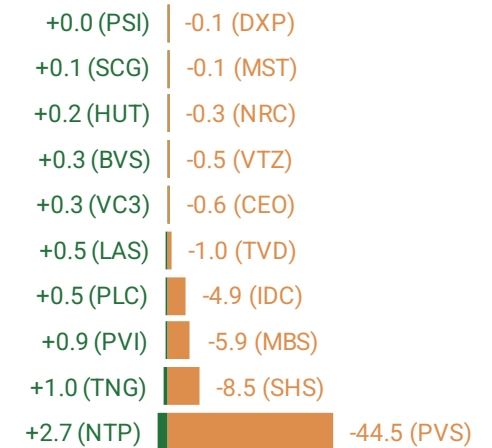


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



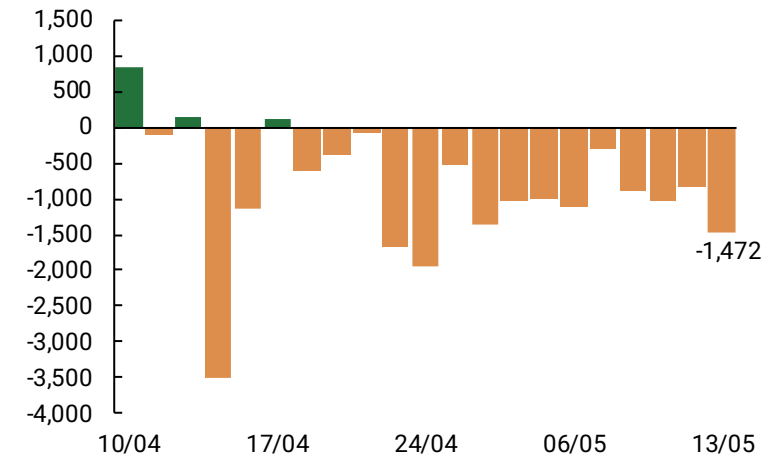
	VHM	VIC	VIX	BSR	FPT
%DoD	-4.8%	-0.5%	-1.3%	3.8%	0.1%
Giá trị	1,753	1,382	1,267	953	817

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	MSB	HCM	VPB	SHB
%DoD	-0.5%	1.5%	2.9%	-0.4%	0.0%
Giá trị	840	642	498	369	312

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



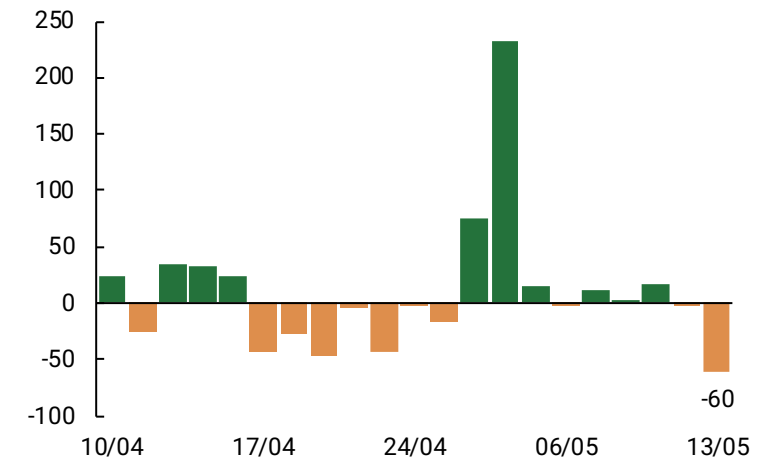
	PVS	SHS	CEO	IDC	MBS
%DoD	2.5%	-0.6%	-1.1%	-2.2%	0.0%
Giá trị	362	299	112	64	53

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	TPP	TIG	HMH	PVC
%DoD	-0.6%	0.0%	3.1%	9.9%	9.0%
Giá trị	240	23	11	5	3

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1920 | 1950.
- ✓ MACD hạ nhiệt, RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Vn-Index giữ trạng thái rung lắc quanh khu vực định cũ với tâm lý thận trọng chiếm ưu thế. Nhóm trụ lớn mất đà ảnh hưởng lớn đến vận động của chỉ số chung. Chỉ báo RSI đang trên đà giảm từ vùng quá mua, trong khi MACD tiếp tục thu hẹp độ dốc, hàm ý động lượng suy yếu. Nếu xuất hiện thêm nến đỏ đóng cửa dưới ngưỡng 1890 điểm sẽ gia tăng khả năng điều chỉnh về khu vực 1850 – 1870 điểm. Đà tăng trở lại khi chỉ số đóng cửa trên ngưỡng 1915 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hammer, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2040 | 2000.
- ✓ Kháng cự: 2100 | 2150.
- ✓ MACD hạ nhiệt, RSI giảm từ vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố lại đà.

Kịch bản: Phản ứng bật tăng chưa thuyết phục khi chưa phủ định hoàn toàn đà giảm trước đó. Áp lực điều chỉnh ngắn hạn vẫn đang chi phối. Trường hợp chỉ số trở lại vận động trên ngưỡng 2075 có thể kỳ vọng nhịp hồi hướng đến vùng đỉnh cũ. Trái lại, nếu lực cầu suy yếu, VN30 có thể tiếp tục hạ nhiệt củng cố thêm vùng 2000 – 2040 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	FOX	BUY	Current price		84.0	P/E (x)	17.5	
Exchange	UPCoM		Action price	14/05	82 - 84	P/B (x)	5.3	
Sector	Fixed Line Telecommunications		Target price		94	13.3%	EPS	4790.9
			Cut loss		77	-7.2%	ROE	33.3%
						Stock Rating	BBB	
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên MA20, MA50 ngày
 - Chỉ báo MACD vận động trên đường tín hiệu, trong khi RSI giữ đà tăng trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng ổn định.
 - Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay lại.
- ➔ Xu hướng đi lên được ủng hộ và khả năng hướng về đỉnh lịch sử.
- ➔ Khuyến nghị Mua, tận dụng khi giá điều chỉnh kiểm định khu vực 82 - 84.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	FOX	Mua	13/05/2026	83.84	82 - 84	-	94	13.3%	77	-7.2%	
2	GMD	Theo dõi	13/05/2026	81.60	77 - 78	-	88	13.5%	73	-5.8%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủ ro giảm	Ghi chú
1	SIP	Mua	09/04/2026	-	59	60.5 - 61	-2.9%	68	11.93%	57	-6.17%	
2	VIB	Mua	09/04/2026	-	15.95	16.2 - 16.3	-1.8%	17.7	8.92%	15.5	-4.62%	
3	HPG	Mua	14/04/2026	-	27.1	27.1 - 27.3	-0.4%	30	10.29%	25.5	-6.25%	Cổ tức tiền mặt 11/05 - 500 đồng/cp
4	MBB	Mua	05/05/2026	-	25.8	25.9 - 26.1	-0.8%	29	11.54%	24.4	-6.15%	
5	MWG	Mua	08/05/2026	-	83.7	84 - 84.6	-0.7%	94	11.51%	80	-5.10%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2039.9, giảm 9.4 điểm (-0.4%). Thanh khoản tăng so với phiên trước và trên mức bình quân 20 phiên. Độ lệch basis 3.6 điểm (thấp hơn VN30 cơ sở).
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD phục hồi nhưng vận động vẫn dưới đường tín hiệu, trong khi RSI cũng chỉ cải thiện dưới mức trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn chi phối. Tuy nhiên, giá có thể phục hồi kỹ thuật để kiểm định lại kháng cự trong đà giảm. Vị thế Long cần nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 2048. Vị thế Short có thể chờ khi giá suy yếu tại vùng cản 2062 - 2065, hoặc khi giá lùi về dưới ngưỡng 2028.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1961.6, giảm 11.1 điểm (-0.7%). Độ lệch basis 15.4 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 41 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1950 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1970 điểm.

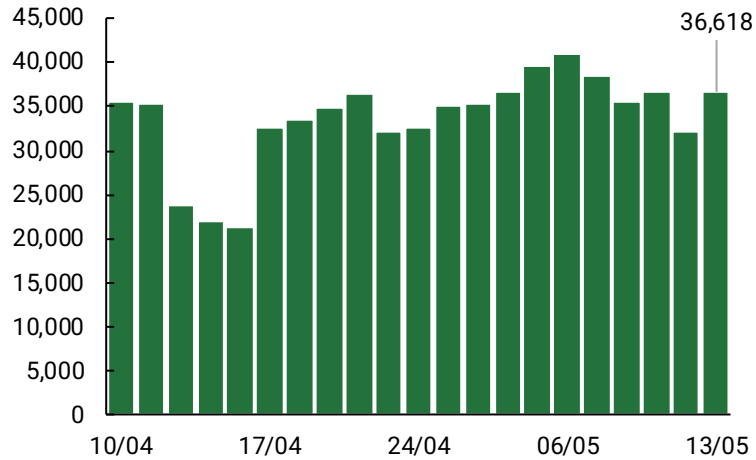
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 2048	2060	2040	12 : 8
Short	< 2062	2048	2070	14 : 8
Short	< 2028	2014	2036	14 : 8

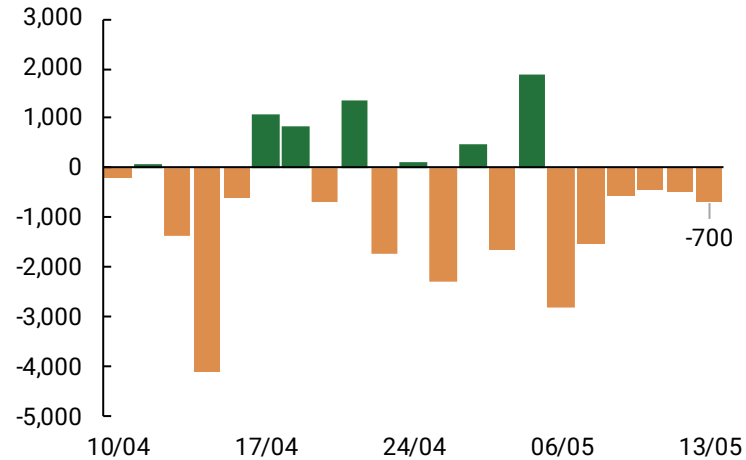
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111GC000	2,035.0	-3.5	18	48	2,062.0	-27.0	17/12/2026	218
4111G9000	2,033.5	-6.5	13	325	2,054.3	-20.8	17/09/2026	127
4111G6000	2,033.9	-8.6	1,090	3,041	2,046.6	-12.7	18/06/2026	36
4111G5000	2,039.9	-9.1	254,055	36,618	2,044.2	-4.3	21/05/2026	8
4112G5000	1,961.6	-11.1	41	25	1,977.6	-16.0	21/05/2026	8

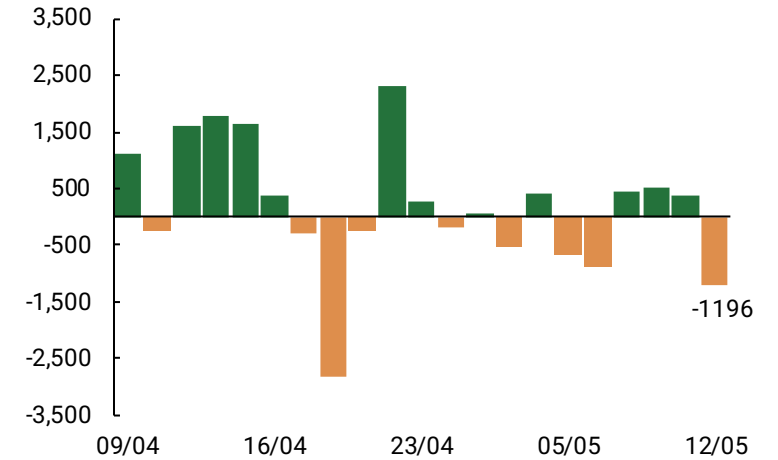
Khối lượng mở (Open interest)



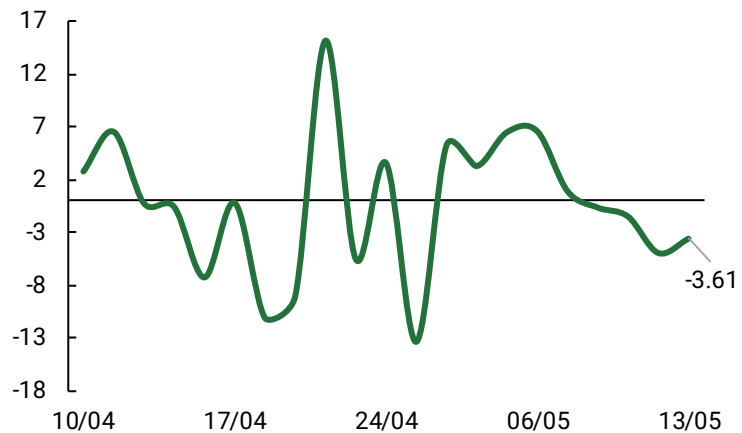
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



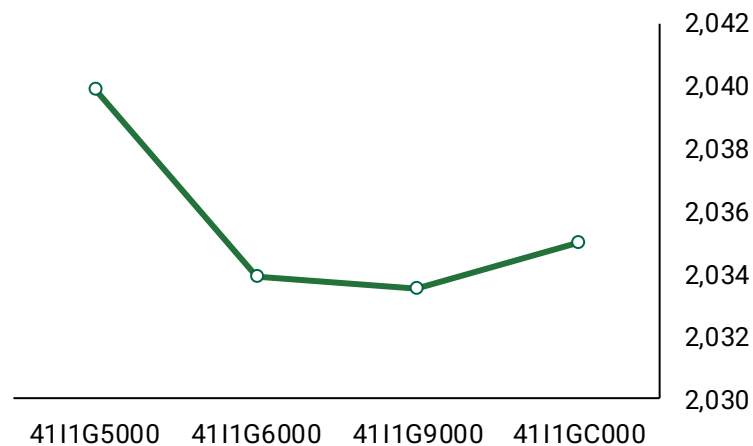
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



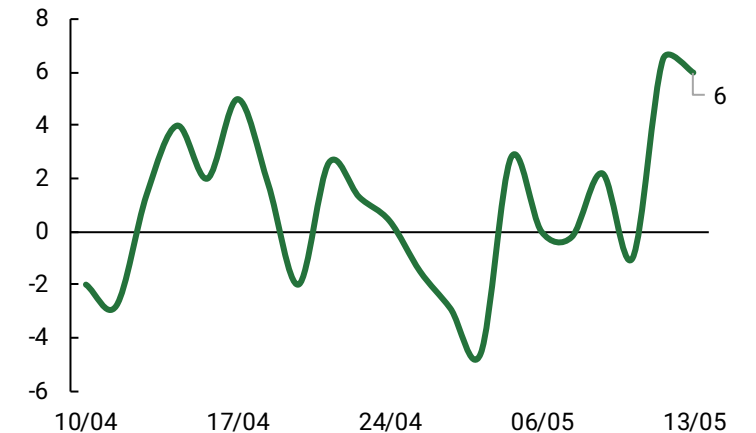
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



01/05	Vietnam & Mỹ - Chỉ số PMI
03/05	Việt Nam – Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4/2026
08/05	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/05	Mỹ - Các thành viên FOMC phát biểu
11/05	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
12/05	Mỹ – Chỉ số CPI
13/05	Mỹ - Chỉ số PPI Việt Nam – Công bố danh mục (MSCI)
14/05	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/05	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
21/05	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng tương lai Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC
28/05	Mỹ - Ước tăng trưởng GDP (lần 2), Chỉ số PCE lõi
31/05	Trung Quốc - Chỉ số PMI

THÔNG TIN VĨ MÔ

Hoàn thiện phương án sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong tháng 5: Thủ tướng Lê Minh Hưng yêu cầu hoàn thiện phương án đẩy mạnh sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bảo đảm hiệu quả, không thất thoát, lãng phí, hoàn thành trong tháng 5/2026; cơ cấu lại hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

Giá heo hơi giữ đà tăng: Giá heo hơi tiếp tục tăng nhẹ, dao động từ 66,000 - 71,000 đồng/kg. Tại khu vực miền Bắc, giá heo hơi dao động từ 67,000 - 69,000 đồng/kg. Tại khu vực miền Nam, giá heo hơi dao động từ 68,000 - 71,000 đồng/kg. Đồng Nai vẫn là tỉnh có giá heo hơi cao nhất là 71,000 đồng/kg.

CPI Mỹ tăng 3.8% trong tháng 4, giới đầu tư đề phòng khả năng Fed tăng lãi suất: Giá năng lượng cao tiếp tục khiến lạm phát ở Mỹ tăng nóng trong tháng 4. Giới đầu tư và một số chuyên gia đang bắt đầu tính đến khả năng Fed phải tăng lãi suất. Ngân hàng trung ương Mỹ đã giữ nguyên lãi suất chính sách từ đầu năm đến nay trong bối cảnh các quan chức bất đồng về hướng đi tiếp theo cũng như cách truyền đạt định hướng tới thị trường.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

MSCI cơ cấu rổ Frontier Markets - HDB, BSR và TAL vào danh mục: Sáng 13/5 theo giờ Việt Nam, MSCI công bố kết quả xem xét định kỳ quý II đối với các bộ chỉ số cổ phiếu. Các thay đổi sẽ có hiệu lực sau khi thị trường đóng cửa phiên 29/5. Theo đó, MSCI đưa BSR, HDB và TAL vào chỉ số Frontier Markets trong kỳ cơ cấu tháng 5, đồng thời loại BWE, CMG, DBC và VTP khỏi danh mục. Trước đợt điều chỉnh này, Việt Nam vẫn là thị trường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chỉ số.

FPT lãi hơn 3,300 tỷ đồng sau 4 tháng: Theo doanh nghiệp, riêng trong tháng 4/2026, doanh thu toàn tập đoàn tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lợi nhuận trước thuế tăng 21%. Trong đó, mảng dịch vụ công nghệ thông tin tại thị trường nước ngoài tiếp tục ghi nhận kết quả tích cực với doanh thu tăng gần 21% và LNTT tăng 27%. Lũy kế 4 tháng đầu năm, FPT ghi nhận doanh thu 17,228 tỷ đồng, tăng gần 12% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 3,787 tỷ đồng và 3,343 tỷ đồng, tương ứng tăng khoảng 18% và 15%.

HDG - Hà Đô chi gần 610 tỷ lập công ty điện gió, lợi nhuận quý 1 lao dốc 50%: HĐQT công ty thông qua việc góp vốn thành lập CTCP Điện gió Bình Gia, với vốn điều lệ dự kiến 610.5 tỷ đồng. Trong đó, Hà Đô góp gần 610 tỷ đồng, tương đương 99.9% vốn của doanh nghiệp mới. Về hoạt động kinh doanh, Hà Đô khép lại quý đầu năm 2026 với tổng doanh thu hợp nhất gần 709 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ; trong khi lãi sau thuế gần 104 tỷ đồng, giảm 50%, do tăng trích lập dự phòng phải trả.

MSR - Lượng đăng ký mua cổ phiếu ưu đãi gấp 2.8 lần: Chứng khoán Vietcap vừa công bố kết quả chào bán cổ phiếu ưu đãi MSR với gần 400 nhà đầu tư tham gia. Tổng lượng đăng ký mua gần 30.89 triệu cp, gấp 2.8 lần khối lượng chào bán hơn 10.99 triệu cp. Trong đó, cán bộ, nhân viên MSN đăng ký mua hơn 11.08 triệu cổ phiếu. Nhóm cổ đông hiện hữu MSN đăng ký mua gần 19.8 triệu cổ phiếu.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BCM	53,100	73,400	38.2%	Mua
CTG	35,550	45,200	27.1%	Mua
CTD	74,600	82,900	11.1%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,100	68,000	35.7%	Mua
DDV	26,753	35,900	34.2%	Mua
DGW	41,400	47,500	14.7%	Tăng tỷ trọng
DPG	41,000	42,900	4.6%	Nắm giữ
DPR	43,000	46,500	8.1%	Nắm giữ
DRI	14,910	17,200	15.4%	Tăng tỷ trọng
EVF	13,900	14,400	3.6%	Nắm giữ
FRT	137,500	157,600	14.6%	Tăng tỷ trọng
GMD	81,600	94,900	16.3%	Tăng tỷ trọng
HAH	57,900	60,300	4.1%	Nắm giữ
HDG	24,900	34,000	36.5%	Mua
HHV	12,250	12,300	0.4%	Nắm giữ
HPG	27,100	33,800	24.7%	Mua
IMP	47,700	55,000	15.3%	Tăng tỷ trọng
KDH	23,300	38,800	66.5%	Mua
MCH	130,000	177,200	36.3%	Mua
MWG	83,700	115,600	38.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	25,800	34,000	31.8%	Mua
NLG	26,300	39,900	51.7%	Mua
NT2	22,700	27,700	22.0%	Mua
PHR	65,800	72,800	10.6%	Tăng tỷ trọng
PNJ	69,600	75,500	8.5%	Nắm giữ
PVS	41,000	39,900	-2.7%	Giảm tỷ trọng
PVT	23,600	18,900	-19.9%	Bán
POW	14,200	15,000	5.6%	Nắm giữ
SAB	46,550	57,900	24.4%	Mua
SSI	27,800	32,100	15.5%	Tăng tỷ trọng
TLG	50,200	50,900	1.4%	Nắm giữ
TCB	33,600	42,400	26.2%	Mua
TCM	23,000	37,900	64.8%	Mua
TRC	75,000	94,800	26.4%	Mua
VCB	60,100	84,200	40.1%	Mua
VPB	27,750	37,000	33.3%	Mua
VCG	21,750	26,200	20.5%	Mua
VHC	61,200	60,000	-2.0%	Giảm tỷ trọng
VNM	59,300	66,650	12.4%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - văn phòng C, tòa nhà Taisei Square Hanoi - Số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 , D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415